



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 54

Ngày 10 tháng 09 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

21-08-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 50/2026/QĐ-UBND phân cấp thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân và cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Sơn La	3
27-08-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 51/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La	6
27-08-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 53/2026/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh	16
04-09-2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 54/2026/QĐ-CTUBND phân cấp thẩm quyền quyết định giao, xử lý và phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La	24
04-09-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 55/2026/QĐ-UBND phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	28

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

20-08-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 2116/QĐ-UBND bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh công bố đơn giá nhân công xây dựng, công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.	32
25-08-2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2169/QĐ-UBND ban hành Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định các nội dung được giao (Đợt 7 năm 2026).	33
25-08-2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2170/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch Triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Sơn La.	39
26-08-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 2173/QĐ-UBND ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2035.	48
31-08-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 2219/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Sơn La	59
02-09-2026	Quyết định của UBND tỉnh số 2234/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 82/2024/NQ HĐND ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La	70
01-09-2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2224/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La	73

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2026/Q-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân
và cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài
thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 392/TTr-SXD ngày 29 tháng 7 năm 2026, Báo cáo số 912/BC-SXD ngày 14 tháng 8 năm 2026; Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 429/BC-STP ngày 27 tháng 7 năm 2026; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 533/BC-VPUB ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh;

UBND ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân và cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 31 và cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Xây dựng;

b) Các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ trong quá trình cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; c) Cá nhân đề nghị cấp mới, cấp lại, cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;

d) Nhà thầu nước ngoài đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

Điều 2. Nội dung phân cấp UBND tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng thực hiện các thẩm quyền sau:

1. Cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

2. Cấp giấy phép hoạt động xây dựng (bao gồm cả giấy phép điều chỉnh) theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP trong các trường hợp cụ thể sau:

a) Nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh Sơn La;

b) Nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên mà nhà thầu dự kiến đặt văn phòng điều hành trên địa bàn hành chính của tỉnh Sơn La.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả;

b) Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về phân cấp.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;

c) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng và hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài đã được tiếp nhận từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong, cơ quan, đơn vị đang giải quyết hồ sơ có trách nhiệm tiếp tục giải quyết theo quy định tại Nghị định số 212/2026/NĐ-CP và

Quyết định này. Thời gian đã giải quyết hồ sơ trước khi bàn giao được tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thi hành Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2024/QH15, Luật số 63/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15, Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

UBND ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chế này nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng sở, các ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức,
viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2026/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La, bao gồm các nội dung: nguyên tắc thực hiện; tạo lập, cập nhật dữ liệu; phê duyệt, lưu trữ cơ sở dữ liệu; chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BNV ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị).

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo chế độ hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cá nhân) thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy chế này nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La (sau đây viết tắt là CSDLCBCCVC của tỉnh) là các trường thông tin về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tổ chức bộ máy, biên chế do tỉnh Sơn La xây dựng, quản lý, vận hành, lưu trữ phù hợp với phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. *Tài khoản quản trị hệ thống* là tài khoản cấp cho Sở Nội vụ để thực hiện quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và đồng bộ thông tin lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

3. *Tài khoản quản trị của cơ quan, đơn vị* là tài khoản cấp cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. CSDLCBCCVC của tỉnh được lưu trữ, quản lý thống nhất tại Sở Nội vụ; quyền cập nhật, khai thác thông tin được cấp theo đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và mục đích sử dụng của từng cá nhân.

2. CSDLCBCCVC của tỉnh được duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục, trừ trường hợp bảo trì, nâng cấp, xử lý sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng; việc tạm dừng phải được thông báo theo quy định.

3. Dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật. Dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác cán bộ. Việc xác định độ hạn chế tiếp cận của dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

4. Chỉ những người có thẩm quyền quản lý hoặc được cấp quyền truy cập mới được phép sử dụng, khai thác CSDLCBCCVC của tỉnh.

5. Các đơn vị theo phân cấp về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm đôn đốc việc cập nhật kịp thời, chính xác và đầy đủ thông tin cá nhân hiện có vào CSDLCBCCVC của tỉnh.

6. CSDLCBCCVC của tỉnh được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo vệ quyền riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

7. Dữ liệu của cá nhân phải bảo đảm cập nhật kịp thời, chính xác thông tin liên quan đến hồ sơ cá nhân khi có sự thay đổi; được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác cán bộ. Việc xác định độ hạn chế tiếp cận của dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

8. Không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không yêu cầu khai báo lại các thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc

trong Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, trừ trường hợp phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

Chương II

CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 5. Tạo lập, cập nhật dữ liệu

1. Chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức: Thống nhất sử dụng mẫu sơ yếu lý lịch tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu trong CSDLCBCCVC của tỉnh.

b) Đối với người lao động: Thống nhất sử dụng mẫu hợp đồng lao động (Phụ lục II) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BNV hướng dẫn mẫu hợp đồng dịch vụ và mẫu hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu trong CSDLCBCCVC của tỉnh.

2. Sở Nội vụ là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh sử dụng tài khoản quản trị hệ thống nêu tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này để quản lý tài khoản; đăng nhập sử dụng CSDLCBCCVC của tỉnh, cấp tài khoản, phân quyền sử dụng tài khoản quản trị cho các cơ quan, đơn vị được phân cấp về công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện chức năng, nghiệp vụ về công tác quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh. Việc phê duyệt, đồng bộ dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo Điều 6 của Quy chế này.

3. Các cơ quan, đơn vị theo phân cấp được sử dụng tài khoản quản trị của cơ quan, đơn vị mình để cấp, hạn chế, mở rộng, hủy quyền truy cập của tài khoản người dùng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý vào CSDLCBCCVC của tỉnh theo đúng Quy chế này. Khi có nhu cầu cấp mới, phân quyền tài khoản người dùng cho các đơn vị trực thuộc, các cơ quan, đơn vị đề nghị với Sở Nội vụ bằng văn bản để được cấp bổ sung.

Công chức, viên chức được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm có trách nhiệm quản lý, bảo đảm an toàn bảo mật thông tin về tài khoản đơn vị.

4. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm truy cập vào tài khoản cá nhân đã được cấp để cập nhật thông tin của mình vào phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; thông tin phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác theo sơ yếu lý lịch/mẫu hợp đồng lao động đã được cấp có thẩm quyền quản lý

xác nhận. Đối với việc cập nhật thông tin, dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do có sự biến động, thay đổi, hiệu chỉnh thì cá nhân có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức theo văn bản đã được cấp có thẩm quyền xác nhận.

Điều 6. Phê duyệt dữ liệu

Trước ngày 25 hằng tháng người đứng đầu các cơ quan, đơn vị hoặc người được ủy quyền bằng văn bản có trách nhiệm phê duyệt thông tin của cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có thay đổi thông tin cá nhân trong tháng bảo đảm phù hợp với Quy chế này và việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

Trong vòng 05 (năm) ngày cuối cùng của từng tháng, Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc người được ủy quyền bằng văn bản) có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số dữ liệu, thông tin của cá nhân được cập nhật, thay đổi để đồng bộ lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 7. Cách thức khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Sở Nội vụ sử dụng dữ liệu từ CSDLCBCCVC của tỉnh để tổng hợp, phân tích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các nội dung khác phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin khác (nếu có) phục vụ cơ quan nhà nước và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp, phân tích chung, dữ liệu về cá nhân của cơ quan, đơn vị mình trong CSDLCBCCVC của tỉnh để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Cá nhân được khai thác dữ liệu của mình; được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên CSDLCBCCVC của tỉnh, khi cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu cá nhân trên CSDLCBCCVC của tỉnh khi được trích xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị sử dụng pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

5. Sở Nội vụ khai thác sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia bằng tài khoản do Bộ Nội vụ cung cấp và truy cập thông qua Cổng Thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức tại địa chỉ "<https://ccvc-portal.moha.gov.vn>" sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên cơ sở bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 8. Lưu trữ cơ sở dữ liệu

1. Dữ liệu cá nhân phải được lưu trữ trong CSDLCBCCVC của tỉnh để quản lý, bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống và thuận lợi cho việc kết nối các hệ

thống thông tin khác khi có yêu cầu. Được sao lưu định kỳ hàng tháng, tối thiểu ba tháng trên phương tiện lưu trữ chuyên dụng để dự phòng rủi ro.

2. Việc lưu trữ, sao lưu dữ liệu phải tuân thủ các nguyên tắc an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu, bảo vệ thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

Điều 9. Chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu

1. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đến cơ quan, đơn vị khác trong phạm vi tỉnh quản lý thì cơ quan, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác có trách nhiệm chuyển giao dữ liệu thông tin cá nhân trên phần mềm đến cơ quan, đơn vị khác trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày quyết định chuyển công tác có hiệu lực.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đến cơ quan, đơn vị khác ngoài phạm vi UBND tỉnh quản lý hoặc nghỉ hưu, thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động, qua đời thì cơ quan quản lý trực tiếp thực hiện như sau:

a) Hủy quyền truy cập vào tài khoản cơ quan của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đó;

b) Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đó vẫn phải được lưu trữ tại thư mục riêng trong CSDL CBCCVC của tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

1. Chấp hành quy định tại Quy chế này và các quy định của Đảng, pháp luật, quy chế của cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, khai thác, sử dụng CSDL CBCCVC của tỉnh.

2. Chịu trách nhiệm cập nhật đúng, đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm tính xác thực của dữ liệu, tài liệu cung cấp kèm theo dữ liệu cá nhân của mình trước pháp luật và trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cập nhật dữ liệu, thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu mình cung cấp.

Điều 11. Trách nhiệm của người được giao quản lý, sử dụng tài khoản quản trị của cơ quan, đơn vị

1. Thông qua nghiệp vụ kỹ thuật, tổ chức việc bảo quản, lưu trữ cơ sở dữ liệu của cơ quan mình theo quy định pháp luật.

2. Cung cấp dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề chưa rõ hoặc mâu thuẫn trong dữ liệu

của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu xem xét, xử lý.

4. Đôn đốc việc hoàn thiện đầy đủ các trường thông tin trong dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

5. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu công việc.

6. Chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn thông tin của CSDLCBCCVC của tỉnh. Không tiết lộ, cung cấp thông tin tài khoản cơ quan, đơn vị và tài khoản người dùng nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về bảo đảm bí mật, an toàn thông tin.

7. Trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này trong cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Quản lý tài khoản người dùng được cấp, ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho công chức, viên chức quản lý và sử dụng tài khoản quản trị để thực hiện việc cập nhật, quản lý và khai thác, sử dụng, phê duyệt dữ liệu cá nhân của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. Việc quản lý tài khoản của cơ quan, đơn vị phải được tổ chức chặt chẽ khi có sự thay đổi về nhân sự quản lý tài khoản.

3. Theo dõi, kiểm tra việc cập nhật các thông tin về dữ liệu cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo định kỳ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin về hồ sơ cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đã được cập nhật vào CSDLCBCCVC của tỉnh và bảo đảm tính thống nhất với hồ sơ giấy hợp lệ lưu trữ tại cơ quan, đơn vị.

4. Bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định hiện hành, kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình quản lý cơ sở dữ liệu cá nhân gửi về Sở Nội vụ trước ngày 05/01 năm sau (*nội dung báo cáo bao gồm: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hiện có được chia theo ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, vị trí việc làm, đề xuất kiến nghị các khó khăn, vướng mắc nếu có*).

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh quản lý, vận hành, khai thác CSDLCBCCVC của tỉnh; có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Bảo trì, nâng cấp cơ sở dữ liệu; cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong CSDLCBCCVC của tỉnh, Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, thẩm quyền.

2. Chỉ đạo tổ chức cập nhật, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu trong CSDL CBCCVC của tỉnh và thực hiện đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Bảo đảm chia sẻ dữ liệu ổn định, thông suốt, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ an toàn thông tin theo quy định để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLCBCCVC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Quản lý hoặc phân cấp quản lý tài khoản người dùng, cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào CSDLCBCCVC của tỉnh trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

5. Phối hợp với Công an tỉnh bảo đảm tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin, dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

6. Có trách nhiệm về việc lưu trữ, sao lưu, phê duyệt thay đổi thông tin, dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác quản lý, vận hành CSDLCBCCVC của tỉnh.

8. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý CSDLCBCCVC của tỉnh; xem xét, xử lý vi phạm của cơ quan, đơn vị và cá nhân không thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

9. Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau báo cáo tình hình quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của năm trước liền kề về Bộ Nội vụ để được hướng dẫn, giải quyết.

10. Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện phê duyệt bằng ký số, trực tiếp phê duyệt khi được ủy quyền hợp pháp.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ như sau:

1. Thường xuyên rà soát, cập nhật mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị theo các quy định hiện hành để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Phối hợp triển khai đường truyền số liệu chuyên dùng để thực hiện đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của tỉnh về hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do Bộ Nội vụ quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ như sau:

Phối hợp với Sở Nội vụ, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành để duy trì, vận hành, bảo đảm an toàn, nâng cấp và kết nối CSDLCBCCVC của tỉnh đáp ứng theo yêu cầu của Chính phủ và thực tế công tác quản lý dữ liệu cá nhân tại các cơ quan, đơn vị.

Điều 16. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Công an tỉnh có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ như sau:

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin, dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Sơn La.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế theo thẩm quyền./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo,
bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người
tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 97/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức,
hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không
chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

*UBND ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý,
sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người
tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố (sau đây gọi chung là bản, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng
đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia
hoạt động ở bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và việc quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố.

b) UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bố trí, công nhận, quản lý, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản này.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng

1. Việc quản lý, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố được thực hiện theo thẩm quyền, tính chất của từng chức danh; bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, sự quản lý của chính quyền, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Bảo đảm số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Phân công đúng năng lực, sở trường; bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố.

Chương II

TIÊU CHUẨN VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ THEO TỪNG CHỨC DANH

Mục 1

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Tiêu chuẩn chung

1. Có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Có năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; có tinh thần trách nhiệm, khả năng đoàn kết, tập hợp, vận động Nhân dân; am hiểu tình hình địa bàn dân cư; có khả năng nắm bắt, phản ánh, phối hợp xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trên địa bàn.

3. Có kỹ năng giao tiếp, tuyên truyền, vận động Nhân dân; có khả năng phối hợp, tham gia hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

5. Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố

1. Bí thư Chi bộ

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung tại Điều 3 Quy định này và tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Đảng, quy định hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố

Ngoài tiêu chuẩn chung tại Điều 3 Quy định này và Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

a) Trình độ học vấn

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông trở lên.

b) Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các nền tảng số cơ bản phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động ở bản, tổ dân phố.

3. Trưởng Ban Công tác Mặt trận

Đáp ứng các tiêu chuẩn chung tại Điều 3 Quy định này và tiêu chuẩn chức danh theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Nhiệm vụ chung của người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố

Người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo chức danh đảm nhiệm; trực tiếp triển khai các hoạt động tự quản ở bản, tổ dân phố và hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương các xã, phường tại địa bàn dân cư theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Nhiệm vụ cụ thể của người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố

1. Bí thư Chi bộ thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng, quy định và hướng dẫn của Đảng, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên; phối hợp với Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức có liên quan lãnh đạo, vận động Nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư.

2. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo các khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; trong đó, chịu trách nhiệm về tổ chức, điều hành hoạt động của bản, tổ dân phố; triển khai các công việc thuộc phạm vi tự quản ở cộng đồng dân cư; chủ trì tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định, tham gia ý kiến, giám sát theo quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND các xã, phường về kết quả thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư; tuyên truyền, vận động Nhân dân; nắm tình hình địa bàn, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; tham gia hòa giải, giữ gìn đoàn kết, an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, xây dựng đời sống văn hóa, chuyển đổi số ở cộng đồng dân cư; phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương các xã, phường triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước tại bản, tổ dân phố.

3. Trưởng ban Công tác Mặt trận thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; chủ trì, phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ ở cơ sở, giám sát, phản biện xã hội, chuyển đổi số và các nhiệm vụ khác tại cộng đồng dân cư theo quy định.

Mục 2

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Tiêu chuẩn đối với người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố

1. Bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, điều lệ hoặc hướng dẫn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với từng chức danh. Chức danh người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố được xác định theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, uy tín và khả năng tham gia thực hiện nhiệm vụ ở bản, tổ dân phố.

3. Có khả năng phối hợp với người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố trong tuyên truyền, vận động Nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ ở cộng đồng dân cư.

Điều 8. Nhiệm vụ của người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố

Người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; hỗ trợ thực hiện hoạt động của bản, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; đồng thời phối hợp với các tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ tại cộng đồng dân cư.

Mục 3

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI
THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở BẢN, TỔ DÂN PHỐ**

Điều 9. Lựa chọn, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố

1. Việc lựa chọn, giới thiệu, bầu, hiệp thương cử, công nhận, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố phải căn cứ tiêu chuẩn, nhiệm vụ của từng chức danh; quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, điều lệ, hướng dẫn của tổ chức có liên quan và Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Khi lựa chọn, giới thiệu nhân sự, ưu tiên người có uy tín, kinh nghiệm, am hiểu địa bàn, phong tục, tập quán, biết tiếng dân tộc phù hợp với địa bàn; có kiến thức, kỹ năng chuyên môn, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực thực hiện nhiệm vụ. Việc áp dụng tiêu chí ưu tiên không làm thay đổi thẩm quyền, trình tự lựa chọn, giới thiệu, bầu, hiệp thương cử, công nhận, bố trí đối với từng chức danh.

Điều 10. Lựa chọn, bố trí người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố

1. Việc lựa chọn, bố trí người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố phải bảo đảm đúng số lượng, chức danh theo quy định của pháp luật và nghị quyết của HĐND tỉnh; phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm địa bàn và điều kiện thực tế của bản, tổ dân phố.

2. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở bản, tổ dân phố. UBND các xã, phường quyết định công nhận và cho thôi làm người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố.

3. Ưu tiên lựa chọn người có uy tín, sức khỏe, tinh thần trách nhiệm, có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ ở cộng đồng dân cư.

Điều 11. Quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố

1. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

a) Căn cứ vào nhiệm vụ, quy định và hướng dẫn của Đảng, Nhà nước, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, điều lệ, hướng dẫn của tổ chức có liên quan thực hiện nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố theo quy định.

b) Thẩm quyền đánh giá, xếp loại

Chức danh Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố: Chủ tịch UBND các xã, phường.

Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận và các chức danh khác: Thực hiện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Khen thưởng

Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được xem xét, đề nghị khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Xử lý vi phạm

Người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố nếu vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ tổ chức có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

4. Quản lý hồ sơ

UBND các xã, phường có trách nhiệm quản lý hồ sơ, thông tin thuộc phạm vi quản lý nhà nước đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố, phục vụ công tác quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ, chính sách theo thẩm quyền. Việc quản lý hồ sơ thuộc công tác tổ chức, cán bộ của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức có liên quan được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật, điều lệ, quy định và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 12. Đào tạo, bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao, tập trung vào các nội dung: tuyên truyền, vận động Nhân dân; thực hiện dân chủ ở cơ sở; hòa giải ở cơ sở; tổ chức hoạt động cộng đồng; nắm bắt tình hình, xử lý tình huống phát sinh ở cơ sở; chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các kỹ năng phù hợp với yêu cầu của từng chức danh.

2. UBND các xã, phường tổ chức bồi dưỡng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố theo thẩm quyền hoặc cử người tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

3. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được bảo đảm trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Chế

độ đối với người được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu UBND tỉnh trong công tác theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố.

b) Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện chế độ, chính sách, đào tạo, bồi dưỡng và các nhiệm vụ tổ chức thi hành Quy định này theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách.

3. Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định của pháp luật có liên quan, chủ động hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố; phối hợp với UBND các xã, phường trong tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và triển khai thực hiện Quy định này, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

4. UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; rà soát, bố trí, quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố theo thẩm quyền và phối hợp với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với từng chức danh bảo đảm đúng tiêu chuẩn, đúng số lượng, đúng chức danh theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

Xây dựng kế hoạch; quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền để đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố.

Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở bản, tổ dân phố trên địa bàn theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản được sử dụng làm căn cứ ban hành Quyết định này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, tạm ngưng hiệu lực hoặc hết hiệu lực thì cơ quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, kịp thời tham mưu xử lý Quyết định này theo quy định của pháp luật về rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố đang đảm nhiệm chức danh tại thời điểm Quy định này có hiệu lực mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ học vấn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến hết nhiệm kỳ đang đảm nhiệm. Trong thời gian đảm nhiệm chức danh, UBND cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện để Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố tham gia học tập, đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thiện tiêu chuẩn và nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

2. Việc miễn nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ, thay thế hoặc giải quyết chế độ chính sách (nếu có) đối với từng chức danh được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của pháp luật, quy định của Đảng, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền./

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2026/QĐ-CTUBND

Sơn La, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định giao, xử lý và phê duyệt Đề án
cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ
sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Chủ tịch UBND ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định giao,
xử lý và phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường
thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định giao, xử lý và phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La, bao gồm:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (*cụm từ được thay thế bởi khoản 3 Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP*).

b) Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

c) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP (*cum từ được thay thế bởi khoản 8 Điều 38 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP*).

2. Quyết định này không điều chỉnh với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh.
2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp xã.
3. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (*sau đây gọi là cơ quan, đơn vị quản lý tài sản*).
4. Chủ tịch UBND cấp xã
5. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao, xử lý và phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương (*trừ trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sử dụng theo nhiều công năng*). Sở Xây dựng quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

a) Sở Xây dựng phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc UBND cấp xã quản lý.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

a) Sở Xây dựng quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc UBND cấp xã quản lý.

4. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

a) Sở Xây dựng quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh; giữa các cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị hành chính cấp xã khác nhau; giữa cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh sang cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã và ngược lại.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

a) Sở Xây dựng quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc UBND cấp xã quản lý.

6. Thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản ở địa phương quản lý.

a) Sở Xây dựng quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc UBND cấp xã quản lý.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đã trình người có thẩm quyền giao, xử lý và phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do Nhà nước đầu tư, quản lý (*hồ sơ đảm bảo đủ điều kiện, đúng trình tự, thủ tục theo quy định*) trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục phê duyệt theo thẩm quyền.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn
quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì
công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số
87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định
số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công
công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

*UBND ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ,
quyền hạn quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình
xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 41, điểm a khoản 6 Điều 42, điểm a khoản 9 Điều 43, điểm b khoản 2 Điều 46 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

b) Quy định này không áp dụng đối với các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh.

c) Các nội dung khác về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Phân cấp cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

UBND tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thực hiện các nội dung sau đây đối với công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

1. Thực hiện nội dung quy định tại khoản 3 Điều 41 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 42 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

3. Xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 43 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

Điều 3. Phân cấp cho UBND các xã, phường

UBND tỉnh phân cấp cho UBND các xã, phường (gọi chung UBND cấp xã) thực hiện các nội dung sau đây:

1. Thực hiện nhiệm vụ tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình trên địa bàn và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo điểm a khoản 3 Điều 41 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định này đối với công trình xây dựng trên địa bàn quản lý, trừ công trình thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh. Đối với công trình thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn nhưng chưa xác định được chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình theo điểm b khoản 3 Điều 41 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát, xác minh, báo cáo UBND tỉnh để tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định.

2. Chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

3. Đối với công trình xây dựng có phạm vi trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên, UBND tỉnh giao một UBND cấp xã có liên quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ được phân cấp trên cơ sở tính chất của nhiệm vụ, vị trí công trình hoặc hạng mục công trình chính, địa điểm phát sinh vụ việc, phạm vi và mức độ ảnh hưởng, khả năng và điều kiện thực hiện của UBND cấp xã; các UBND cấp xã có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của UBND tỉnh

a) Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo Quyết định này.

b) Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về phân cấp.

c) Bảo đảm các điều kiện cần thiết về nguồn lực, chuyên môn, kỹ thuật và các điều kiện khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; theo dõi, đánh giá và kịp thời điều chỉnh nội dung phân cấp trong trường hợp cơ quan, đơn vị được phân cấp không bảo đảm điều kiện hoặc việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp không bảo đảm hiệu lực, hiệu quả theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ kỹ thuật đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đánh giá khả năng thực hiện và kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh nội dung phân cấp khi cần thiết.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương

a) Hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quyết định này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo Quyết định này.

4. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại Điều 2 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo Quyết định này.

5. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 3 Quyết định này.

b) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại Điều 3 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

c) Chủ động rà soát điều kiện thực hiện nhiệm vụ được phân cấp; trường hợp phát sinh vụ việc vượt quá khả năng, điều kiện thực hiện hoặc có tính chất kỹ thuật phức tạp, kịp thời báo cáo UBND tỉnh qua Sở Xây dựng và cơ quan chuyên môn quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để được hướng dẫn, xử lý theo quy định.

6. Chế độ báo cáo

a) Sở Xây dựng chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý an toàn trong thi công xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo khoản 7 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

b) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp xã định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo UBND tỉnh qua Sở Xây dựng về tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2026 và thay thế Quyết định số 82/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Việc chuyển tiếp đối với các hồ sơ, công việc đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2116/Q-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh công bố đơn giá nhân công xây dựng, công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;**Căn cứ các Thông tư số 36/2026/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 6 năm 2026 hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 26 tháng 6 năm 2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 419/TTr-SXD ngày 07 tháng 8 năm 2026; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 531/BC-VPUB ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.**Điều 2.** Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Minh Tiến**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2169/Q-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục Quyết định của UBND tỉnh
quy định các nội dung được giao (Đợt 7 năm 2026)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 191/TTr-STP ngày 24 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định các nội dung được giao (Đợt 7 năm 2026) (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định các nội dung được giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

DANH MỤC
Quyết định của UBND tỉnh quy định các nội dung được giao (Đợt 7 năm 2026)
(Kèm theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 25/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều, khoản, điểm (nội dung giao quy định)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	CQ trình	CQ phối hợp	Thời hạn trình	Ghi chú
1	Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	01/8/2024	Khoản 8 Điều 27	UBND cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý III năm 2026	Quy định nội dung được giao
2	Nghị định số 258/2025/NĐ- CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước	09/10/2025	Khoản 4 Điều 27	UBND cấp tỉnh có trách nhiệm phân cấp cho cơ quan chuyên môn về công viên, cây xanh trực thuộc và UBND cấp xã thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2026	Quy định nội dung được giao
			Khoản 1 Điều 45	Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: Phân công, phân cấp quản lý công viên, cây xanh, mặt nước	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2026	Quy định nội dung được giao

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều, khoản, điểm (nội dung giao quy định)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	CQ trình	CQ phối hợp	Thời hạn trình	Ghi chú
				trên địa bàn cho cơ quan chuyển môn trực thuộc và UBND các cấp theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương		xã, phường		
			Khoản 3 Điều 45	Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn; cơ chế, chính sách đối với mô hình tự quản công viên, cây xanh tại khu dân cư nông thôn	Sở Tài chính (nội dung ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công viên, cây xanh, mặt nước trên địa bàn); Sở Nông nghiệp và Môi trường (nội dung ban hành cơ chế, chính sách đối với mô hình tự quản công viên, cây xanh tại khu dân cư nông thôn)	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2026	Quy định nội dung được giao
3	Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số	15/2/2026	Khoản 1 Điều 30	Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: Phân cấp, ủy quyền cho cơ quan chuyển môn thuộc UBND	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các	Quý IV năm	Quy định nội dung

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều, khoản, điểm (nội dung giao quy định)	Tên VBQDCT hoặc nội dung giao quy định	CQ trình	CQ phối hợp	Thời hạn trình	Ghi chú
	điều của Luật Quảng cáo			cấp tỉnh, UBND cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và quy định tại Nghị định này		xã, phường	2026	được giao
			Khoản 3 Điều 30	Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: Xây dựng, tổ chức, ban hành quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời tại địa phương				
4	Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa	23/01/2026	Khoản 1 Điều 95	UBND tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau: Ban hành các biện pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2026	Quy định nội dung được giao
5	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính	10/8/2026	Khoản 3 Điều 2	UBND cấp tỉnh: Ban hành quy trình đặt hàng và tổ chức đặt	Sở Xây dựng	Các sở, ngành,	Quý IV năm	Quy định nội dung

STT	Tên văn bản giao quy định	Hiệu lực của văn bản giao quy định	Điều, khoản, điểm (nội dung giao quy định)	Tên VBQĐCT hoặc nội dung giao quy định	CQ trình	CQ phối hợp	Thời hạn trình	Ghi chú
	phù sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ			hàng khai thác đối với tuyến xe buýt nội tỉnh, liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố		UBND các xã, phường	2026	được giao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2170/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa,
hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trên địa bàn
tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 4272/BVHTTDL-VHCSGĐTV ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tổ chức triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 279/TTr-SVHTT&DL ngày 20 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành./

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Sơn La

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2170/QĐ-UBND
ngày 25/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 4272/BVHTTDL VHCSGĐTV ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về tổ chức triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam, nhằm đưa các hệ giá trị thấm sâu vào đời sống xã hội, phát huy vai trò của văn hóa, gia đình và con người Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

- Tăng cường xây dựng môi trường văn hóa, văn minh, lành mạnh; chủ động ngăn chặn tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống; nâng cao sức đề kháng của người dân trước những tác động tiêu cực.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người Sơn La trong thời kỳ mới.

2. Yêu cầu

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo triển khai đồng bộ các hệ giá trị. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, cộng đồng và toàn xã hội, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, bảo đảm gắn kết giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Triển khai đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các hệ giá trị trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, địa phương và cộng đồng dân cư. Phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, giữa bản sắc dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong triển khai các hệ giá trị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, biểu dương các mô hình hay, cách làm

sáng tạo và sử dụng hiệu quả các nguồn lực dành cho phát triển văn hóa và xây dựng con người Sơn La.

II. NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA CÁC HỆ GIÁ TRỊ

1. Nội dung của các hệ giá trị

a) Hệ giá trị quốc gia (*hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc*) định hướng lý tưởng, mục tiêu và khát vọng phát triển đất nước, bồi đắp lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức công dân, tinh thần thượng tôn pháp luật, trách nhiệm xã hội, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường và trách nhiệm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

b) Hệ giá trị văn hóa (*dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học*) tạo nền tảng tinh thần của xã hội, bồi dưỡng lòng nhân ái, nghĩa tình, trung thực, khoan dung, tôn trọng sự khác biệt, lối sống văn minh, tinh thần dân chủ, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo và trách nhiệm giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

c) Hệ giá trị gia đình (*ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh*) là môi trường đầu tiên hình thành và nuôi dưỡng nhân cách con người, vun đắp tình yêu thương, sự tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ, trách nhiệm, hiếu thảo, thủy chung và sự gắn kết giữa các thành viên.

d) Chuẩn mực con người Việt Nam (*yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo*) là sự kết tinh các giá trị quốc gia, văn hóa và gia đình, được thể hiện qua các phẩm chất cốt lõi: yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo, khát vọng vươn lên và tinh thần cống hiến.

2. Môi quan hệ giữa các hệ giá trị

Các thành tố của hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam có mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển.

a) Con người giữ vai trò trung tâm, vừa là chủ thể thực hành, lan tỏa các giá trị, vừa là mục tiêu của sự phát triển; các phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam là nền tảng để xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

b) Gia đình là môi trường đầu tiên hình thành, nuôi dưỡng và hoàn thiện nhân cách con người; đồng thời giữ vai trò gìn giữ, trao truyền các giá trị văn hóa, đạo đức và nền tảng xã hội từ thế hệ này sang thế hệ khác.

c) Văn hóa tạo môi trường dân chủ, nhân văn để các giá trị được tiếp nhận, thực hành và lan tỏa, góp phần bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách con người toàn diện, củng cố gia đình và phát huy sức mạnh nội sinh, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

d) Các giá trị quốc gia giữ vai trò định hướng mục tiêu, lý tưởng và khát vọng phát triển; đồng thời được hiện thực hóa thông qua sự phát triển của con

người, gia đình và văn hóa, môi trường văn hóa góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách để bảo đảm việc triển khai đồng bộ các hệ giá trị

1.1. Thể chế hóa đầy đủ, đồng bộ và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, gia đình; có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, phát triển con người toàn diện làm nền tảng triển khai đồng bộ các hệ giá trị, tạo hành pháp lý vững chắc bảo vệ toàn vẹn chủ quyền văn hóa của quốc gia, dân tộc và con người Việt Nam.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý IV/2026.

1.2. Cụ thể hóa các hệ giá trị thành chuẩn mực, quy tắc ứng xử văn hóa phù hợp với từng lĩnh vực, nhóm đối tượng; lồng ghép các tiêu chí của hệ giá trị vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, bảo đảm kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

1.3. Nghiên cứu xây dựng và nhân rộng các mô hình thực hành đồng bộ các hệ giá trị, gắn với gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu dân cư, thiết chế văn hóa và môi trường số phù hợp với từng lĩnh vực, nhóm đối tượng và điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành UBND xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

1.4. Lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch, phong trào, cuộc vận động và nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan, đơn vị, địa phương; ưu tiên lồng ghép với các nhiệm vụ về xây dựng đời sống văn hóa, phát triển gia đình, giáo dục, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, chuyển đổi số, cải cách hành chính và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả nguồn lực. Đánh giá tác động đối với các hệ giá trị trong quá trình xây dựng và triển khai văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

2. Công tác truyền thông, tuyên truyền, giáo dục các hệ giá trị

2.1. Tổ chức các hoạt động quán triệt, tuyên truyền, giáo dục về nội hàm, ý nghĩa và yêu cầu thực hành các hệ giá trị, nhằm nâng cao nhận thức, tư tưởng, tạo chuyển biến căn bản trong hành vi ứng xử văn hóa, hình thành lối sống lành mạnh, chuẩn mực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân. Tập trung tuyên truyền, giáo dục, lan tỏa truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, các giá trị yêu nước, đoàn kết, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, tự cường, sáng tạo và khát vọng cống hiến; nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và đất nước.

Đẩy mạnh tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp như pa-nô, áp phích, tờ gấp, tài liệu truyền thông, truyền thông số; đưa vào trường học, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, thôn, tổ dân phố nhằm tạo lan tỏa sâu rộng, góp phần xây dựng và phát huy hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam theo quy định. Lồng ghép truyền thông, giáo dục về các hệ giá trị trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; các cơ quan báo chí địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh phối hợp.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành UBND xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

2.2. Xây dựng kế hoạch truyền thông hằng năm phù hợp với từng nhóm đối tượng; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên báo chí, môi trường số, hệ thống thông tin cơ sở, các hoạt động truyền thông trực tiếp và các hình thức phù hợp khác; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Đẩy mạnh truyền thông đối ngoại, quảng bá các hệ giá trị thông qua cơ quan thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể thao, các hoạt động xúc tiến du lịch. Hằng năm tổ chức tối thiểu 02 đợt truyền thông hoặc chuyên đề truyền thông ở cấp tỉnh hoặc cơ sở; đồng thời duy trì thường xuyên các hoạt động tuyên truyền tại cơ sở.

- Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành UBND xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

2.3. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, chương trình tuyên truyền, phổ biến, lan tỏa các hệ giá trị; tổ chức phát sóng định kỳ hàng tháng theo chuyên đề phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Đơn vị chủ trì: Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành UBND xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

2.4. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực triển khai thực hiện các hệ giá trị cho đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, gia đình, thông tin cơ sở và các lực lượng tham gia thực hiện tại địa phương.

- Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành UBND xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

3. Vận dụng các hệ giá trị trong xây dựng môi trường văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội

3.1. Lồng ghép nội dung giáo dục về các hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử trong các hoạt động giáo dục, tuyên truyền phù hợp với từng cấp học.

- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường.
- Thời gian thực hiện: Năm 2027 và các năm tiếp theo.

3.2. Lồng ghép triển khai các hệ giá trị trong xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa ứng xử tại các cơ sở y tế; nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2027.

3.3. Lồng ghép các hệ giá trị vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, làng nghề truyền thống gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
 - Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2027 và các năm tiếp theo.

3.4. Lồng ghép việc triển khai các hệ giá trị trong xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp; tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp thực hiện chuẩn mực đạo đức, văn hóa kinh doanh gắn với bản sắc văn hóa dân tộc, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững

- Cơ quan chủ trì: Sở Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2027 và các năm tiếp theo.

3.5. Triển khai thực hiện các nội dung xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa; phát huy vai trò của thiết chế văn hóa, gia đình và cộng đồng trong thực hành các hệ giá trị.

- Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường.
Thời gian thực hiện: Hàng năm.

4. Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai đồng bộ các hệ giá trị

4.1. Triển khai xây dựng, thực hiện bộ tiêu chí khung theo dõi, đánh giá, dự báo xu hướng biến đổi của các hệ giá trị.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2027 và các năm tiếp theo.

4.2. Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ triển khai, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các hệ giá trị phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương; đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục, trải nghiệm và thực hành các hệ giá trị tại các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, thiết chế văn hóa và cộng đồng.

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã, phường.

- Đơn vị phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

4.3. Ứng dụng thực tế ảo và trí tuệ nhân tạo để số hóa các hệ giá trị trong các chương trình trải nghiệm văn hóa, thể thao, du lịch; số hóa tư liệu, câu chuyện, hình ảnh, hiện vật tiêu biểu để phục vụ giáo dục các hệ giá trị và nâng cao khả năng tiếp cận của người dân.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2027 - 2035.

5. Hợp tác quốc tế trong triển khai đồng bộ các hệ giá trị Đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, thể thao, du lịch; giới thiệu, quảng bá rộng rãi các hệ giá trị đến cộng đồng quốc tế. Tăng cường liên kết, trao đổi học thuật, lý luận và thực tiễn, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về xây dựng, thực hành các hệ giá trị; chủ động nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc giá trị văn hóa của thế giới để làm phong phú nội hàm các hệ giá trị; xây dựng hình ảnh con người Việt Nam yêu nước, nhân văn, sáng tạo, trách nhiệm và hội nhập.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Ngoại vụ.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

6. Công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng việc triển khai thực hiện Kế hoạch Tổ chức kiểm tra, đánh giá chuyên đề việc thực hiện Kế hoạch hàng năm; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả; Tổ chức vinh danh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích, có sáng kiến, mô hình hiệu quả trong việc thực hành các hệ giá trị theo thẩm quyền. Thực hiện sơ kết vào năm 2030 và tổng kết vào năm 2035 theo Quyết định số 1189/QĐ-TTg.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm và Sơ kết (2030), tổng kết (2035).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ngành và UBND các xã, phường bảo đảm nguồn lực hằng năm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra tại Kế hoạch; lồng ghép hiệu quả trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được phê duyệt theo quy định.

3. Đẩy mạnh huy động các nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước; khuyến khích phát huy xã hội hóa trong tổ chức sự kiện và vận hành thiết chế văn hóa theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2026, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường chủ động cân đối, bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2026 để triển khai thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên

- Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực thực hành các hệ giá trị.

- Hướng dẫn lồng ghép nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này vào các cuộc vận động, phong trào; nghiên cứu, xây dựng, triển khai mô hình thực hành các hệ giá trị; tăng cường giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hành các hệ giá trị.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

b) Đơn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

c) Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hằng năm; chủ trì phối hợp sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu, đề xuất các giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

3. Sở Tài chính

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

4. Các sở, ban, ngành

Căn cứ nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và khả năng cân đối của ngân sách địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường được giao nhiệm vụ theo Kế hoạch, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

5. UBND các xã, phường

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hằng năm, bố trí nguồn lực, kinh phí đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ; lồng ghép triển khai Kế hoạch vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; huy động nguồn lực xã hội hoá để triển khai đồng bộ các hệ giá trị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại cơ sở; kịp thời biểu dương các mô hình tiêu biểu trong việc thực hành các hệ giá trị. Báo cáo định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hằng năm và đánh giá từng giai đoạn theo hướng dẫn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Sơn La, Đề nghị các cơ quan, đơn vị, sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về UBND tỉnh (qua Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch) để xem xét, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2173/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ
trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 272/TTr-SCT ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2035.

(có Chương trình kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Trung tâm

Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2026 - 2035**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND
ngày 26/8/2026 của UBND tỉnh Sơn La)*

**I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CÔNG
NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH SƠN LA**

1. Khái quát về công nghiệp và nhu cầu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tỉnh Sơn La

Sơn La là tỉnh miền núi, địa bàn rộng, khoảng cách xa các trung tâm công nghiệp lớn; chi phí vận chuyển, logistics và tiếp cận dịch vụ kỹ thuật còn cao. Công nghiệp của tỉnh tập trung chủ yếu vào chế biến nông - lâm sản, thực phẩm; sản xuất và cung ứng năng lượng; khai thác, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng và một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác. Đây là những ngành tạo nhu cầu thường xuyên đối với vật liệu, phụ liệu, bao bì, linh kiện, phụ tùng, thiết bị cơ khí, thiết bị điện - tự động hóa và các dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất.

Phần lớn máy móc, linh kiện, phụ tùng thay thế, vật tư kỹ thuật có yêu cầu chất lượng cao hiện vẫn được mua từ ngoài tỉnh. Việc hình thành một số doanh nghiệp cung ứng tại chỗ, trước hết ở những sản phẩm có nhu cầu ổn định, kỹ thuật phù hợp và có khả năng cạnh tranh về chi phí, sẽ góp phần giảm thời gian cung ứng, chi phí vận chuyển và nâng cao tính chủ động của doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn.

2. Thực trạng công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh

Công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh đang ở giai đoạn đầu, số lượng doanh nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ còn ít, quy mô nhỏ; khả năng đáp ứng yêu cầu về sản lượng, độ chính xác, tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và giao hàng ổn định còn hạn chế. Một số cơ sở cơ khí, bao bì, điện - điện tử, sửa chữa thiết bị đã có năng lực nhất định nhưng chủ yếu phục vụ thị trường tại chỗ và chưa tham gia sâu vào chuỗi cung ứng.

- Nhóm cơ khí, linh kiện và phụ tùng: có các cơ sở gia công, sửa chữa máy móc, thiết bị nhưng năng lực thiết kế, chế tạo chính xác, kiểm soát chất lượng và sản xuất theo đơn hàng lớn còn hạn chế.

- Nhóm vật liệu, bao bì và phụ liệu phục vụ sản xuất: có nhu cầu lớn từ các cơ sở chế biến nông - lâm sản, thực phẩm nhưng năng lực sản xuất tại chỗ chưa đáp ứng đầy đủ về chủng loại, chất lượng và quy mô.

- Nhóm thiết bị điện, điều khiển và tự động hóa: nhu cầu tăng cùng quá trình hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, phát triển năng lượng và chuyển đổi số; nguồn cung tại địa phương hiện chủ yếu là thương mại, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật.

3. Khó khăn, hạn chế

- Thị trường nội tỉnh có quy mô chưa lớn, nhu cầu phân tán theo ngành và địa bàn; doanh nghiệp khó đầu tư dây chuyền chuyên môn hóa nếu chưa có đơn hàng ổn định.

- Phần lớn doanh nghiệp công nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khả năng tích lũy vốn, đầu tư máy móc, nghiên cứu phát triển, kiểm định - thử nghiệm và xây dựng hệ thống quản lý chất lượng còn hạn chế.

- Nguồn nhân lực kỹ thuật, cơ khí chính xác, tự động hóa, quản trị sản xuất và chuyên gia tư vấn tại chỗ còn thiếu; dịch vụ thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng chủ yếu phải sử dụng ngoài tỉnh.

- Hạ tầng khu, cụm công nghiệp đang tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện; quỹ đất công nghiệp, chi phí đầu tư hạ tầng và giải phóng mặt bằng là yếu tố cần được cân nhắc khi thu hút dự án mới.

4. Cơ hội và yêu cầu đặt ra

Nhu cầu hiện đại hóa các nhà máy chế biến, phát triển hạ tầng năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp chế biến và yêu cầu tăng tính tự chủ của chuỗi cung ứng tạo dư địa cho phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên, Sơn La không có lợi thế để phát triển đồng loạt nhiều ngành công nghiệp hỗ trợ quy mô lớn; vì vậy cần lựa chọn một số nhóm sản phẩm có nhu cầu thực, có doanh nghiệp đầu ra, phù hợp năng lực của doanh nghiệp địa phương và có khả năng liên kết với thị trường ngoài tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp hỗ trợ phải bám sát quy định của pháp luật về công nghiệp hỗ trợ, Quy hoạch tỉnh và Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2035 của Chính phủ; lấy nhu cầu của doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dẫn dắt và khả năng tham gia chuỗi cung ứng làm căn cứ lựa chọn nhiệm vụ hỗ trợ.

- Không phát triển dàn trải. Tập trung nguồn lực vào doanh nghiệp, sản phẩm có khả năng hình thành đơn hàng, có thị trường, có cam kết đối ứng và có khả năng nâng cấp thành nhà cung ứng ổn định.

- Ưu tiên nâng cao năng lực doanh nghiệp hiện có trước khi đặt mục tiêu tăng nhanh số lượng doanh nghiệp mới; kết hợp thu hút đầu tư có chọn lọc với hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương.

- Việc áp dụng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ của Chương trình đối với dự án, sản phẩm phải bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Nghị định số 205/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Định hướng các nhóm sản phẩm, lĩnh vực trọng tâm

a) Cơ khí chế tạo, linh kiện và phụ tùng

Ưu tiên các sản phẩm cơ khí, chi tiết, linh kiện, phụ tùng, kết cấu và thiết bị phụ trợ có nhu cầu thường xuyên trong các dây chuyền chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, khai thác - chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện, năng lượng tái tạo và lưới điện; trước mắt tập trung vào sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật phù hợp với năng lực doanh nghiệp trong tỉnh, có khả năng gia công theo đơn đặt hàng và thay thế nguồn cung từ ngoài tỉnh.

b) Thiết bị điện, điện tử, đo lường và tự động hóa

Khuyến khích doanh nghiệp phát triển, lắp ráp hoặc tích hợp tủ điện, thiết bị điều khiển, cảm biến, hệ thống đo lường, giám sát, giải pháp IoT và các thiết bị phụ trợ phục vụ tự động hóa sản xuất, quản lý năng lượng, kho bảo quản và vận hành công trình công nghiệp; ưu tiên sản phẩm có khả năng tiêu chuẩn hóa, sản xuất lặp lại và mở rộng thị trường ngoài tỉnh.

c) Vật liệu, phụ liệu và bao bì phục vụ công nghiệp chế biến

Khuyến khích phát triển các loại vật liệu, phụ liệu, bao bì, nhãn mác và vật tư đóng gói đáp ứng yêu cầu của cơ sở chế biến nông - lâm sản, thực phẩm và các ngành sản xuất khác trên địa bàn. Đối với các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thì thực hiện hỗ trợ theo chính sách công nghiệp hỗ trợ; đối với sản phẩm chưa thuộc Danh mục thì lồng ghép hỗ trợ thông qua khuyến công, khoa học và công nghệ, xúc tiến thương mại và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp.

d) Thu hút dự án công nghiệp hỗ trợ phù hợp với không gian phát triển công nghiệp

Ưu tiên giới thiệu địa điểm tại Khu công nghiệp Mai Sơn, các cụm công nghiệp đã được thành lập và các khu vực sản xuất công nghiệp phù hợp với Quy hoạch tỉnh, phương án phát triển khu, cụm công nghiệp và khả năng đáp ứng hạ tầng. Không bố trí nguồn kinh phí của Chương trình này để thực hiện riêng công tác giải phóng mặt bằng hoặc đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; các nội dung này thực hiện theo chương trình, dự án và quy định pháp luật tương ứng.

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Từng bước hình thành và nâng cao năng lực đội ngũ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp có tiềm năng trở thành nhà cung ứng trên địa bàn tỉnh; phát triển liên kết giữa doanh nghiệp cung ứng với các cơ sở sản xuất, chế biến trong và ngoài tỉnh; thúc đẩy đổi mới công nghệ, quản trị, tiêu chuẩn chất lượng và chuyển đổi số, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tính chủ động của chuỗi sản xuất công nghiệp Sơn La.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2030:

- Hoàn thành rà soát, xây dựng danh sách và cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp có tiềm năng tham gia chuỗi cung

ứng và nhu cầu mua hàng công nghiệp của các doanh nghiệp sản xuất chủ lực trên địa bàn; cập nhật tối thiểu 01 lần/năm.

- Hỗ trợ tối thiểu 08 doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp cận một hoặc nhiều nội dung về quản trị sản xuất, cải tiến năng suất, tiêu chuẩn - chất lượng, chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, thử nghiệm - kiểm định, đào tạo hoặc kết nối thị trường; phân đầu có 3 - 5 doanh nghiệp trở thành nhà cung ứng thường xuyên cho doanh nghiệp sản xuất trong hoặc ngoài tỉnh.

- Hằng năm tổ chức hoặc phối hợp tổ chức ít nhất 01 hoạt động kết nối cung - cầu, xúc tiến đầu tư, kết nối nhà cung ứng hoặc đưa doanh nghiệp tham gia chương trình kết nối công nghiệp hỗ trợ cấp vùng, quốc gia.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 200 lượt cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và người lao động của doanh nghiệp về quản trị sản xuất, chất lượng, kỹ thuật, công nghệ và kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuỗi cung ứng.

- Phân đầu thu hút mới 1 - 2 dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và khả năng đáp ứng hạ tầng của tỉnh.

- 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhu cầu, đủ điều kiện được hướng dẫn tiếp cận thủ tục xác nhận ưu đãi và các chính sách hỗ trợ công nghiệp hỗ trợ theo quy định.

b) Giai đoạn 2031 - 2035

- Tiếp tục cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu; mở rộng kết nối với cơ sở dữ liệu và mạng lưới doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của Bộ Công Thương và các địa phương.

- Lũy kế hỗ trợ khoảng 20 - 25 doanh nghiệp nâng cao năng lực; phân đầu có 8 - 10 doanh nghiệp tham gia tương đối ổn định vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp sản xuất, chế biến trong hoặc ngoài tỉnh.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 300 lượt cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và người lao động của doanh nghiệp về quản trị sản xuất, kỹ năng kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng số và đáp ứng tiêu chuẩn chuỗi cung ứng.

- Phân đầu 70% số doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu áp dụng ít nhất một hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất - chất lượng hoặc giải pháp số phù hợp và duy trì trong hoạt động sản xuất.

- Phân đầu thu hút lũy kế 3 - 5 dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, ít phát thải và có liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh.

IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu và xác định nhu cầu thị trường

- Khảo sát doanh nghiệp công nghiệp, các nhà máy sản xuất, chế biến lớn để xác định nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng, bao bì, thiết bị và dịch vụ kỹ thuật có khả năng đặt hàng trong tỉnh.

- Rà soát, phân loại doanh nghiệp có năng lực hoặc tiềm năng cung ứng; xây dựng hồ sơ năng lực ngắn gọn của doanh nghiệp và danh mục sản phẩm có khả năng kết nối cung - cầu.

- Cập nhật dữ liệu định kỳ; kết nối, chia sẻ dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ của Bộ Công Thương, bảo đảm không đầu tư trùng lặp hệ thống phần mềm riêng khi chưa thực sự cần thiết.

2. Hỗ trợ kết nối thị trường, phát triển nhà cung ứng và xúc tiến đầu tư

- Tổ chức các hoạt động kết nối trực tiếp giữa doanh nghiệp cung ứng của tỉnh với doanh nghiệp sản xuất, chế biến có nhu cầu mua hàng; ưu tiên hình thức khảo sát nhà máy, kết nối theo đơn hàng và yêu cầu kỹ thuật cụ thể thay cho hội nghị mang tính hình thức.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, chương trình tìm kiếm nhà cung ứng, kết nối công nghiệp hỗ trợ của Bộ Công Thương và các tỉnh, thành phố có ngành công nghiệp phát triển.

- Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư công nghiệp hỗ trợ có chọn lọc, gắn với nhu cầu thực tế của các ngành chế biến, năng lượng, cơ khí và không gian phát triển công nghiệp của tỉnh; ưu tiên nhà đầu tư có công nghệ, khách hàng và phương án tiêu thụ rõ ràng.

3. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, năng suất và chất lượng

- Lựa chọn doanh nghiệp có nhu cầu và cam kết tham gia để tư vấn, đào tạo, áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất - chất lượng, quản trị sản xuất và quản trị chuỗi cung ứng phù hợp với quy mô doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở, thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, đo lường và truy xuất nguồn gốc theo quy định; ưu tiên nội dung trực tiếp phục vụ yêu cầu của khách hàng hoặc đơn hàng cụ thể.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản trị tồn kho, quản lý chất lượng, lập kế hoạch sản xuất và các giải pháp nhà máy thông minh ở mức độ phù hợp, tránh đầu tư dàn trải, khó vận hành.

4. Hỗ trợ đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển và đào tạo nguồn nhân lực

- Hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp với cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và đơn vị tư vấn có năng lực.

- Định kỳ khảo sát nhu cầu nhân lực, xác định vị trí việc làm để xây dựng, điều chỉnh chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các ngành, nghề kỹ thuật đáp ứng các nhóm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trọng tâm của tỉnh (*cơ khí chế tạo, thiết bị điện - tự động hóa, vật liệu - bao bì*); tập trung đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng số, an toàn lao động, kỹ năng chuyên môn (*quản trị chất lượng, bảo trì, đọc bản vẽ...*) gắn với thực hành, thực tập và đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp, phòng thử nghiệm, kiểm định, cơ sở đào tạo và đơn vị tư vấn ngoài tỉnh khi địa phương chưa có đủ năng lực chuyên môn; không đặt mục tiêu đầu tư mới cơ sở kỹ thuật quy mô lớn trong giai đoạn đầu nếu chưa có đủ nhu cầu sử dụng.

5. Hướng dẫn tiếp cận chính sách, ưu đãi và hỗ trợ doanh nghiệp

- Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp xác định sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; hướng dẫn hồ sơ xác nhận ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và phối hợp thực hiện hậu kiểm theo quy định.

- Hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chính sách về thuế, đất đai, khoa học và công nghệ, khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, xúc tiến thương mại, đào tạo và các chương trình khác theo đúng điều kiện và thẩm quyền.

- Rà soát, đề xuất tháo gỡ khó khăn về thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và tiếp cận hạ tầng đối với dự án công nghiệp hỗ trợ theo nguyên tắc một đầu mỗi phối hợp, không đặt ra thủ tục hoặc cơ chế ưu đãi trái quy định pháp luật.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Ngân sách trung ương hỗ trợ thông qua Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và các chương trình, nhiệm vụ có liên quan theo quy định.

- Ngân sách địa phương: căn cứ nhiệm vụ, khả năng cân đối ngân sách và kế hoạch hằng năm, bố trí từ nguồn chi thường xuyên, chi đầu tư công và các nguồn ngân sách hợp pháp khác theo quy định; việc lập, phân bổ và sử dụng kinh phí thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và quy định có liên quan.

- Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình khoa học và công nghệ, khuyến công, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đào tạo nguồn nhân lực và các chương trình phù hợp khác.

- Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp; nguồn tài trợ, đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Nguyên tắc bố trí và sử dụng kinh phí Kinh phí được xây dựng theo kế hoạch hằng năm, căn cứ nhiệm vụ thực tế, số lượng doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia và khả năng cân đối ngân sách; ưu tiên hoạt động tạo kết quả trực tiếp cho doanh nghiệp và có khả năng đo lường. Không bố trí kinh phí của Chương trình để thực hiện trùng lặp nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ từ chương trình khác; không sử dụng kinh phí Chương trình để hỗ trợ đại trà hoặc đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp không thuộc nội dung, đối tượng hỗ trợ theo quy định.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tập trung nguồn lực, lựa chọn đúng đối tượng hỗ trợ

Hằng năm lựa chọn số lượng doanh nghiệp phù hợp để hỗ trợ chuyên sâu trên cơ sở nhu cầu thị trường, khả năng sản xuất, mức độ sẵn sàng, cam kết đối ứng và

khả năng duy trì kết quả sau hỗ trợ. Ưu tiên doanh nghiệp có đơn hàng hoặc có cơ hội kết nối cụ thể với khách hàng.

2. Tăng cường liên kết vùng và sử dụng nguồn lực bên ngoài tỉnh

Chủ động kết nối với Bộ Công Thương, các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp, các địa phương có ngành cơ khí, điện tử, chế biến chế tạo phát triển, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức tư vấn và doanh nghiệp dẫn dắt để tận dụng chuyên gia, thiết bị thử nghiệm, thị trường và kinh nghiệm, phù hợp với điều kiện nguồn lực còn hạn chế của Sơn La.

3. Lồng ghép các chương trình, chính sách

Lồng ghép có hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ với khuyến công, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển khu, cụm công nghiệp và đào tạo nguồn nhân lực; xác định rõ nguồn kinh phí cho từng nhiệm vụ để tránh chồng chéo.

4. Theo dõi, đánh giá bằng kết quả đầu ra

Theo dõi kết quả theo các chỉ tiêu: số doanh nghiệp được khảo sát; số doanh nghiệp được hỗ trợ; số doanh nghiệp áp dụng thành công công cụ quản trị, chất lượng hoặc giải pháp công nghệ; số hợp đồng/biên bản ghi nhớ cung ứng; số dự án đầu tư được thu hút; số lượt lao động được đào tạo. Định kỳ rà soát để điều chỉnh nhiệm vụ, chỉ tiêu khi điều kiện thị trường và nguồn lực thay đổi.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Cơ quan thường trực Chương trình

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Chương trình; hằng năm xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, bố trí theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, nhu cầu cung - cầu, nhu cầu nhân lực kỹ thuật; lựa chọn doanh nghiệp tham gia các hoạt động hỗ trợ; phối hợp tổ chức kết nối nhà cung ứng, đào tạo, tư vấn và các nhiệm vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Tham mưu, tổ chức thực hiện việc xác nhận ưu đãi, hậu kiểm ưu đãi đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận chính sách công nghiệp hỗ trợ.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

- Tổ chức sơ kết giai đoạn 2026 - 2030 và tổng kết Chương trình vào năm 2035; đề xuất điều chỉnh nội dung, chỉ tiêu khi cần thiết.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí; phối hợp rà soát cơ chế huy động, lồng ghép nguồn lực.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất, sở hữu trí tuệ và chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ; lồng ghép các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan khảo sát nhu cầu, xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật đáp ứng các nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ trọng tâm; tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo gắn với vị trí việc làm, chú trọng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, trang bị kỹ năng công nghệ và kỹ năng số cho người lao động.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp trong việc hướng dẫn thủ tục đất đai, môi trường thuộc thẩm quyền; cung cấp thông tin về nhu cầu vật tư, bao bì, thiết bị phục vụ chế biến nông - lâm sản và các vùng nguyên liệu; phối hợp thu hút các dự án công nghiệp hỗ trợ bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp hướng dẫn các nội dung về xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và kết nối giao thông đối với dự án công nghiệp hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; phối hợp tháo gỡ khó khăn về hạ tầng cho các khu vực sản xuất công nghiệp.

7. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Phối hợp xúc tiến, thu hút dự án công nghiệp hỗ trợ vào Khu công nghiệp Mai Sơn và các khu công nghiệp theo quy hoạch; cung cấp thông tin về quỹ đất, hạ tầng, nhu cầu đầu tư và hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện thủ tục thuộc thẩm quyền.

8. Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La

Phối hợp với Sở Công Thương tổ chức xúc tiến đầu tư, kết nối cung - cầu, quảng bá năng lực doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm, chương trình kết nối nhà cung ứng trong và ngoài tỉnh; ưu tiên các hoạt động có khách hàng, yêu cầu kỹ thuật hoặc cơ hội đầu tư cụ thể.

9. UBND các xã, phường

- Phối hợp rà soát doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn; cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và kết nối doanh nghiệp.

- Hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục thuộc thẩm quyền; phối hợp giải quyết các vấn đề về đất đai, mặt bằng, hạ tầng và lao động theo quy định.

- Phối hợp tuyên truyền chính sách và theo dõi tình hình triển khai dự án công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

10. Doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia Chương trình

- Chủ động xác định nhu cầu, xây dựng phương án nâng cao năng lực; bố trí kinh phí đối ứng và nhân lực tham gia hoạt động hỗ trợ; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, thông tin cung cấp.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, lao động, an toàn và các quy định pháp luật có liên quan; duy trì, phát huy kết quả sau khi được hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và quy định về xác nhận, hậu kiểm ưu đãi công nghiệp hỗ trợ.

Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương và UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có thay đổi lớn về thị trường, cơ chế chính sách, các sở, ngành, UBND các xã, phường và đơn vị liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh Chương trình cho phù hợp./

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2219/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phân loại
chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của HĐND tỉnh về hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ hai HĐND tỉnh khoá XVI;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 9368/BTNMT-KSON ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 991/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh về triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 31/8/2026 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU

1. Mục đích

- Triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt (sau đây viết tắt là CTRSH) tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025 bảo đảm đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn, từng bước hình thành thói quen và ý thức tự giác thực hiện việc phân loại CTRSH tại nguồn đối với từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Tăng cường khả năng tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng, giảm khối lượng CTRSH phải xử lý theo phương pháp chôn lấp trực tiếp, qua đó tiết kiệm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý, đồng thời tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

2. Yêu cầu

- Việc phân loại CTRSH cần phù hợp với hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải hiện có, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và nguồn lực tài chính của địa phương.

- Cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cấp, các ngành, bảo đảm công việc được thực hiện chất lượng, hiệu quả. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ xã hội và ngân sách các cấp để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch này.

- Kế hoạch này chỉ xác định thời gian, phạm vi, nhiệm vụ và trách nhiệm tổ chức thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn; cách thức phân loại, lưu giữ, chuyển giao, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH thực hiện theo Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh và các quy định pháp luật có liên quan.

- Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã và các đơn vị, tổ chức có liên quan tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch bảo đảm thời gian, tiến độ và yêu cầu đề ra.

3. Mục tiêu

3.1. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2026

- Tất cả các xã, phường ban hành chương trình, kế hoạch hoặc đề án triển khai phân loại CTRSH tại nguồn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;
- Xây dựng, bổ sung các tài liệu tuyên truyền về phân loại CTRSH tại nguồn (sổ tay, tờ gấp, tờ rơi, video, phóng sự hướng dẫn kỹ thuật hoặc các hình thức khác phù hợp); rà soát, kiện toàn hoặc bổ sung đội ngũ tuyên truyền viên cấp xã để tuyên truyền việc phân loại CTRSH tại nguồn đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn.

3.2. Chậm nhất ngày 01 tháng 01 năm 2027

- Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân thực hiện phân loại đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế.
- Tiếp tục triển khai thực hiện phân loại CTRSH trên địa bàn phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La làm cơ sở nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.
- Rà soát, bổ sung quy hoạch và đầu tư xây dựng các điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu xử lý CTRSH trên địa bàn bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và điều kiện thực tiễn của địa phương.

3.3. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH từ cấp tỉnh đến cấp xã đáp ứng các yêu cầu theo quy định.
- Triển khai thực hiện phân loại đối với chất thải thực phẩm và CTRSH khác (*chất thải rắn công kênh và chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại*) tại các khu vực được công nhận đô thị như sau:
 - + Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 duy trì và mở rộng việc triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn phường: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Sinh, Chiềng Cơi.
 - + Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2029 mở rộng triển khai thực hiện trên địa bàn các xã, phường của tỉnh Sơn La: Mường La, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Mai Sơn, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Sông Mã, Sốp Cộp, Yên Châu; Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên.
- Tại các xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại triển khai thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn bảo đảm đạt các chỉ tiêu theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.
- Tại các địa phương chưa có đơn vị xử lý hoặc chưa đảm bảo điều kiện tiếp nhận, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH sau phân loại: Thực hiện theo chương trình, kế hoạch hoặc đề án của địa phương, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện phân loại đầy đủ theo lộ trình tại kế hoạch này. Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn sau khi thực hiện phân loại tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi, giảm tối đa lượng chất thải phải chuyển giao xử lý.

3.4. Từ năm 2031

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn tỉnh phải được phân loại tại nguồn theo quy định.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của các địa phương

- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thời gian thực hiện: Trước ngày 01 tháng 01 năm 2027;
- Nội dung: Các địa phương rà soát, đánh giá điều kiện thực tiễn và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện lộ trình đảm bảo mục tiêu theo kế hoạch.

2. Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn;

2.1. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến CTRSH theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của Trung ương và của tỉnh đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

2.2. Xây dựng các tài liệu, phóng sự, video tuyên truyền, hướng dẫn phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường;
- Thời gian thực hiện: Năm 2027 và các năm tiếp theo.

3. Hoàn thiện hạ tầng, phương tiện và tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3.1. Rà soát, quy hoạch, bố trí và đưa vào hoạt động các điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định; chỉ đạo các đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH để xác định địa điểm, thời gian, tần suất, tuyến thu gom và lộ trình di chuyển của phương tiện vận chuyển để bảo đảm công tác thu gom CTRSH sau khi phân loại được đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính và đơn vị cung ứng dịch vụ trên địa bàn.

3.2. Thực hiện các thủ tục đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định tại khoản 1 Điều 77 và khoản 2 Điều 78 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành.
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

3.3. Đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị và phương tiện thu gom, vận chuyển CTRSH đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định, đồng thời tăng cường thêm nhân lực để đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển CTRSH được kịp thời, không để tồn đọng gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH;
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

3.4. Đầu tư cải tiến trang thiết bị, công nghệ xử lý CTRSH, ưu tiên các công nghệ tiên tiến, hiện đại, tăng cường tái chế và thu hồi năng lượng từ CTRSH, hạn chế đến mức thấp nhất việc chôn lấp trực tiếp CTRSH.

- Cơ quan thực hiện: Chủ đầu tư các cơ sở xử lý CTRSH.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã.

4. Thực hiện phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

Việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh và Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH ban hành kèm theo Công văn số 9368/BTNMT-KSON ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Thực hiện kiểm tra, giám sát UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH có trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.

6. Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng

- Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, UBND cấp xã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện công tác phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn và có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng kết đánh giá kết quả thực hiện công tác phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh và báo cáo UBND để xem xét, chỉ đạo thực hiện trong giai đoạn tiếp theo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và quy định pháp luật hiện hành.

- Trong quá trình sơ kết, tổng kết, đánh giá, UBND cấp xã và Sở Nông nghiệp và Môi trường kịp thời biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, hộ gia đình, cá

nhân có nhiều đóng góp thiết thực và thực hiện tốt công tác phân loại CTRSH tại nguồn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh được lấy từ: Nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường theo phân cấp của cấp có thẩm quyền hoặc các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo thực hiện các quy định về phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

b) Có trách nhiệm hướng dẫn quy trình tận dụng chất thải thực phẩm làm thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón cho cây trồng ở khu vực nông thôn; cung cấp thông tin về chất lượng phân bón cho tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, đồng thời, hỗ trợ về chuyên môn cho các địa phương trong công tác phân loại CTRSH tại nguồn theo yêu cầu để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra.

d) Hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với UBND cấp xã trong công tác rà soát, bố trí địa điểm khu xử lý và các trạm trung chuyển CTRSH vào các đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch có liên quan làm cơ sở để các cấp triển khai thực hiện (nếu có).

b) Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động vận chuyển, phương tiện vận chuyển CTRSH, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại trong trường hợp không bảo đảm quy định tại Quyết định số 31/2023/QĐ UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 và Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, hỗ trợ kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương để các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp xã kêu gọi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào lĩnh vực thu gom, xử lý, tái chế chất thải, trong đó ưu tiên lựa chọn các công nghệ tiên tiến, hiện đại, tăng cường tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải.

4. Sở Nội vụ

Nghiên cứu, tham mưu kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, nhất là công chức phụ trách lĩnh vực môi trường cấp xã, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, chất lượng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và triển khai tốt nhiệm vụ phân loại CTRSH tại nguồn.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đến giáo viên, học sinh tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thông qua các hoạt động giáo dục và các phong trào thi đua phù hợp.

b) Lồng ghép việc giảng dạy các kiến thức về bảo vệ môi trường và phân loại CTRSH tại nguồn vào các chương trình nội khóa và ngoại khóa, nhằm tạo điều kiện cho học sinh hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, việc phân loại CTRSH tại nguồn và tích cực tham gia.

6. Sở Y tế

Tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đến các cơ sở y tế. Giám sát việc phân loại và chuyển giao CTRSH của các cơ sở y tế cho các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, tái chế theo đúng quy định.

7. Sở Công Thương

Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đến các chợ, siêu thị, trung tâm mua sắm, cụm công nghiệp... lồng ghép truyền thông về phân loại CTRSH tại nguồn thông qua các hoạt động quản lý của ngành.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn tại các khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, khu vui chơi, giải trí và các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh; lồng ghép nội dung phân loại chất thải rắn sinh hoạt, giảm thiểu rác thải nhựa trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xây dựng môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

10. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; cơ sở hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo quy định.

11. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn đến các cơ sở sản xuất trong các khu công nghiệp. Đồng thời giám sát việc

phân loại và chuyển giao CTRSH của các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, tái chế theo đúng quy định.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tiếp tục tuyên truyền về phân loại CTRSH phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn; lập dự toán kinh phí hàng năm để thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn đạt hiệu quả.

c) Bố trí, phân công lực lượng tuyên truyền viên, kiểm tra giám sát tại địa phương để tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH thực hiện tốt công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đúng quy định.

d) Chịu trách nhiệm bố trí phương tiện, nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện phân loại CTRSH tại địa bàn đã chọn.

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đăng tin, bài, phóng sự về phân loại CTRSH tại nguồn để thu hút sự tham gia, hình thành nhận thức, thói quen phân loại CTRSH tại nguồn của các tổ chức, cơ quan, trường học, hộ gia đình, cá nhân, các khu vực công cộng và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

g) Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thu gom, vận chuyển trong việc thu gom, vận chuyển CTRSH sau phân loại tại nguồn tại địa phương. Điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới hương ước, quy ước, quy định bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại rác thải tại nguồn nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân; kết hợp tuyên truyền các quy định về xử lý vi phạm phân loại rác tại nguồn; biểu dương người tốt, việc tốt và phê bình cá nhân vi phạm việc không phân loại rác, vệ sinh môi trường trên cơ sở thống nhất của địa phương và cộng đồng.

h) Huy động các nguồn lực xã hội và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn kinh phí để triển khai các hoạt động liên quan đến công tác phân loại CTRSH tại nguồn; kịp thời biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhiều đóng góp thiết thực và thực hiện tốt công tác phân loại CTRSH tại nguồn.

i) Bố trí mặt bằng và đầu tư xây dựng điểm tập kết CTRSH, điểm tiếp nhận chất thải rắn công kênh và chất thải nguy hại trên địa bàn.

k) Phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom CTRSH phù hợp và niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã; khu sinh hoạt của khu phố, Ban Quản lý khu đô thị và các hình thức khác phù hợp.

l) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phân loại CTRSH và hướng dẫn khắc phục các khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời.

13. Báo và phát thanh truyền hình tỉnh

a) Tăng cường chuyên trang, phóng sự, thời lượng thông tin các vấn đề liên quan đến công tác phân loại CTRSH tại nguồn để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh nhận thức, hình thành thói quen phân loại CTRSH tại nguồn.

b) Kịp thời phản ánh, tuyên truyền các mô hình, điển hình, tổ chức, cá nhân, tổ dân phố, khu phố, khu dân cư thực hiện tốt việc phân loại CTRSH tại nguồn, nhân rộng những mô hình triển khai hiệu quả và cách làm hay.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

a) Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú về nội dung, đối tượng và chọn lọc những hình thức phù hợp với từng địa bàn dân cư để tuyên truyền. Đồng thời tổ chức tập huấn cho các tổ tự quản tại địa bàn dân cư, Hội phụ nữ,... xác định rõ việc phân loại CTRSH tại nguồn là tiền đề cơ bản, nòng cốt cho công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện.

b) Tuyên truyền các mô hình, điển hình tiên tiến trong phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; qua đó kịp thời biểu dương và nhân rộng những mô hình, phương pháp làm hiệu quả tại các khu dân cư, tổ dân phố... Đưa việc phân loại CTRSH tại nguồn vào nội dung đánh giá, nhận xét, làm cơ sở cho công tác thi đua - khen thưởng cuối năm.

15. Đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Thực hiện các quyền, trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 59, Điều 61, Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

b) Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trong hoạt động thu gom, vận chuyển, tiếp nhận, xử lý, tái chế từng nhóm CTRSH sau khi phân loại để thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát và thanh toán kinh phí xử lý đúng quy định.

c) Phối hợp với UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan triển khai hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đạt hiệu quả đối với từng nhóm CTRSH sau khi phân loại.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức quán triệt nghiêm túc Kế hoạch này. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về kết quả thực hiện với UBND tỉnh trước ngày 30 tháng 6 và ngày 30 tháng 12 hàng năm.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc có quy định mới khác với nội dung đã quy định tại Kế hoạch này, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, kịp thời đề xuất UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp./

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2234/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND
ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản
đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trạm y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản;

Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-BYT ngày 22 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi danh mục trang thiết bị y tế trạm y tế xã có bác sỹ vào danh mục trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và túi y tế thôn bản ban hành kèm theo Quyết định số 437/QĐ BYT ngày 20 tháng 02 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh về việc chuyển nguyên trạng 75 Trạm Y tế và 125 điểm Y tế thuộc Trung tâm Y tế các khu vực thuộc Sở Y tế về UBND cấp xã quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 250/TTr-SYT ngày 07 tháng 8 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh thay thế Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, cụ thể như sau:

1. UBND các xã, phường

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh trên địa bàn xã, phường;

b) Chỉ đạo Trạm y tế xây dựng Danh mục thuốc, vật tư, thiết bị y tế cho túi y tế; thực hiện đấu thầu, cung ứng, cấp phát, hướng dẫn sử dụng, báo cáo sử dụng thuốc, vật tư, thiết bị y tế, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định; Trường hợp Trạm y tế năng lực mua sắm độc lập còn hạn chế, UBND cấp xã trực tiếp chủ trì tổ chức thực hiện mua sắm, đấu thầu theo quy định.

c) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc cung ứng, quản lý và sử dụng thuốc, vật tư, thiết bị y tế theo quy định.

2. Sở Y tế

a) Hướng dẫn UBND các xã, phường xây dựng Danh mục thuốc, vật tư, thiết bị y tế cho túi y tế bản đặc biệt khó khăn trên cơ sở Danh mục thuốc thiết yếu Việt Nam và Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Quyết định số 1020/QĐ-BYT ngày 22 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

b) Hướng dẫn UBND các xã, phường tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, tuân thủ Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành về đấu thầu.

3. Sở Tài chính

a) Đảm bảo kinh phí hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn theo định mức quy định tại Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh Sơn La;

b) Tham mưu UBND tỉnh giao dự toán kinh phí hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn cho UBND các xã, phường trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 82/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế; Tài chính; Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2224/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Dân số ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 260/TTr-SYT ngày 19 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành của tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trung Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể các nội dung công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành và trách nhiệm phối hợp của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, đoàn thể và địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La trong việc tổ chức triển khai thực hiện, đồng bộ, kịp thời và có hiệu quả Luật Dân số năm 2025, các chính sách quy định Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số (*sau đây viết tắt là Nghị định số 168/2026/NĐ-CP*), Thông tư số 11/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Danh mục các bệnh được thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phục vụ chẩn đoán và điều trị, Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh và Quyết định số 2141/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

b) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện; xác định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường (*sau đây gọi tắt là UBND cấp xã*) và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai các chính sách về dân số và phát triển, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dân số; bảo đảm người dân được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước về dân số; góp phần nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực, thích ứng với già hóa dân số, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong tổ chức thực hiện; huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và toàn thể Nhân dân trong thực hiện công tác dân số và phát triển.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện phải bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kịp thời, đúng quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Trung ương; phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Sơn La.

b) Các nhiệm vụ được phân công phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng chế độ trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách về dân số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong giải quyết thủ tục hành chính và quản lý đối tượng thụ hưởng.

d) Gắn việc thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ chuyên môn của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, địa phương nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, tránh trùng lặp, chồng chéo.

e) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; bảo đảm việc triển khai các chính sách dân số đạt hiệu quả, đúng mục tiêu đề ra.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số

a) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Thông tư số 11/2026/TT-BYT, Thông tư số 12/2026/TT-BYT và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung tuyên truyền các chính sách, quy định mới về dân số và phát triển; duy trì mức sinh hợp lý; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sơ sinh; chăm sóc người cao tuổi; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và nâng cao chất lượng dân số.

- Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở và các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn tài liệu phù hợp với từng nhóm đối tượng, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác dân số, y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan; phát huy vai trò của cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố và người có uy tín trong tuyên truyền, vận động Nhân dân.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

c) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND

các xã, phường; đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; Trường Chính trị tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh phối hợp thực hiện.

d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên từ năm 2026 và các năm tiếp theo.

đ) Kinh phí thực hiện: Từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

e) Kết quả: Chính sách, pháp luật về dân số được phổ biến, tuyên truyền kịp thời đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân; đội ngũ làm công tác dân số, y tế được cập nhật, hướng dẫn các quy định mới, góp phần nâng cao nhận thức và hiệu quả thực hiện chính sách dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh.

2. Triển khai chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai

a) Nội dung thực hiện

- Tổ chức thực hiện chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Dân số và Điều 2 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện và thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn người lao động, người sử dụng lao động, cơ quan, đơn vị thực hiện hồ sơ, thủ tục hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết và chi trả chế độ.

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách; kiểm tra, hướng dẫn và kịp thời giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

b) Cơ quan chủ trì: Bảo hiểm xã hội tỉnh Sơn La.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Y tế; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người sử dụng lao động và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và các năm tiếp theo.

đ) Kinh phí thực hiện: Kinh phí chi trả chế độ thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; kinh phí tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật.

e) Kết quả: Chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai được triển khai thống nhất, đúng đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục; người lao động đủ điều kiện được giải quyết và hưởng đầy đủ chế độ theo quy định.

3. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con *(theo yêu cầu của Chính phủ tại khoản 4 Điều 13- Tổ chức thực hiện của Nghị định số 168/2026/NĐ-CP)*

Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Công an tỉnh và UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

4. Triển khai các hoạt động chăm sóc người cao tuổi; Triển khai dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh; Thực hiện chính sách, chế độ đối với Cộng tác viên dân số

Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu cấp có thẩm quyền tổ chức triển khai thực hiện hoặc hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền và theo đúng quy định

5. Rà soát, xây dựng chính sách của tỉnh về dân số và phát triển

a) Nội dung thực hiện

- Rà soát các chính sách về dân số đang thực hiện trên địa bàn tỉnh; đánh giá kết quả, khó khăn, vướng mắc và mức độ phù hợp với Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách về dân số và phát triển theo các nội dung được Luật Dân số giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; bảo đảm không chồng chéo với chính sách của Trung ương và các chính sách khác đang thực hiện.

- Nghiên cứu, cập nhật các quy định, hướng dẫn mới của Trung ương, trong đó có Thông tư của Bộ Y tế về chính sách khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số, để hoàn thiện nội dung dự thảo.

- Thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến, đánh giá tác động và hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

- Nghị quyết mới đồng thời quy định bãi bỏ Nghị quyết số 42/2022/NQ-HĐND, bảo đảm các chính sách đang thực hiện được chuyển tiếp phù hợp, không làm gián đoạn quyền lợi của đối tượng thụ hưởng.

b) Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Bảo hiểm xã hội tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Hoàn thiện, trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành tại kỳ họp thứ 3 năm 2026; cập nhật, điều chỉnh nội dung dự thảo theo các quy định, hướng dẫn mới của Trung ương.

đ) Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

e) Kết quả: Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chính sách dân số và phát triển được ban hành theo đúng nội dung được giao; bảo đảm thống nhất với Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các quy định có liên quan; bãi bỏ Nghị quyết số 42/2022/NQ-HĐND, bảo đảm tính đồng bộ, liên tục và khả thi của chính sách dân số trên địa bàn tỉnh.

6. Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết

a) Nội dung thực hiện

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, các thông tư hướng dẫn và các chính sách dân số trên địa bàn tỉnh; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện chính sách dân số và phát triển theo quy định; bảo đảm số liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc và đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, giải pháp phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh.

b) Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.

c) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; UBND các xã, phường.

d) Thời gian thực hiện: Thường xuyên từ năm 2026; sơ kết, tổng kết theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

e) Kết quả: Công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời; việc thực hiện chính sách dân số trên địa bàn được theo dõi, đánh giá và điều chỉnh phù hợp; báo cáo sơ kết, tổng kết và các đề xuất, kiến nghị được tổng hợp, thực hiện theo quy định.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo phân cấp ngân sách thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện.
- Chủ trì tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn về dân số theo Kế hoạch.
- Chủ trì xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành các Nghị quyết được giao tại Kế hoạch; hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con.
- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc khi có yêu cầu.

2. Sở Tài chính

- Rà soát các nội dung chi theo hướng dẫn của Nghị định số 168/2026/NĐ-CP trước khi tham mưu bố trí, phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách, khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.
- Phối hợp thẩm định, tham gia xây dựng các chính sách thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Y tế rà soát, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về dân số.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế rà soát, tham mưu về tổ chức, số lượng, chức năng, nhiệm vụ và chế độ, chính sách đối với Nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản và Cộng tác viên dân số, bảo đảm phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp triển khai chính sách dân số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp xác minh, cung cấp thông tin liên quan đến đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người theo chức năng, nhiệm vụ; lồng ghép tuyên truyền phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; bảo đảm kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, xác thực thông tin và thực hiện chính sách dân số theo quy định.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp lồng ghép nội dung dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, kỹ năng sống phù hợp với từng cấp học; phối hợp tuyên truyền, giáo dục về dân số và phát triển trong các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số; lồng ghép nội dung dân số và phát triển trong công tác gia đình, xây dựng đời sống văn hóa và các hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp.

9. Công an tỉnh

Phối hợp khai thác, xác thực thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ thực hiện chính sách dân số theo quy định; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong quá trình kết nối, khai thác và chia sẻ dữ liệu.

10. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai theo quy định của Luật Dân số và pháp luật về bảo hiểm xã hội; phối hợp với các cơ quan liên quan trong xác thực, trao đổi thông tin và tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chính sách.

11. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn; đưa nhiệm vụ dân số và phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm phù hợp với tình hình địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, rà soát, xác định đối tượng và thực hiện các chính sách dân số theo thẩm quyền; chỉ đạo Trạm Y tế và các lực lượng tại cơ sở triển khai các hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và chi trả chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với Nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản và Cộng tác viên dân số theo quy định.

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế trước ngày 30 tháng 11 hằng năm hoặc khi có yêu cầu.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số; vận động cán bộ, đảng viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; tham gia giám sát, phản biện xã hội theo quy định.

14. Đề nghị Hội Người cao tuổi tỉnh

Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên thực hiện chính sách dân số; tham gia các hoạt động chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi tại cộng đồng và phối hợp duy trì, nhân rộng các mô hình chăm sóc người cao tuổi phù hợp.

15. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; Các cơ quan thông tấn báo chí đóng trên địa bàn tỉnh

Phối hợp tuyên truyền Luật Dân số, các văn bản hướng dẫn thi hành và chính sách dân số và phát triển; tăng cường tin, bài, phóng sự, chuyên mục; kịp thời phản ánh các mô hình, cách làm hiệu quả và kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

16. Tổ chức thực hiện và xử lý khó khăn, vướng mắc

Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Y tế để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHI TIẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 168/2026/NĐ-CP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA NĂM 2026 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO
(Kèm theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm/Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số	Hội nghị, tài liệu, hoạt động truyền thông; cán bộ và Nhân dân được phổ biến, cập nhật chính sách, pháp luật về dân số	Sở Y tế	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp xã; MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan báo chí	Thường xuyên từ năm 2026
2	Triển khai chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai theo Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và pháp luật về BHXH	Chế độ được hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và chi trả đúng đối tượng, điều kiện, thời gian	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Y tế; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh; UBND cấp xã; người sử dụng lao động	Từ 01/7/2026 và các năm tiếp theo
3	Xây dựng Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn, bản, tổ dân phố, cô đỡ thôn, bản; mức thù lao đối với Cộng tác viên dân số	Nghị quyết của HĐND tỉnh được ban hành, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND; bảo đảm thống nhất với Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Nghị định số 192/2026/NĐ-CP và phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh	Sở Y tế	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan	Quý IV năm 2026
4	Rà soát, xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số chính sách dân số và phát triển theo các nội dung Luật Dân số giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định	Nghị quyết của HĐND tỉnh được ban hành, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 42/2022/NQ-HĐND; các chính sách dân số của tỉnh được hoàn thiện, đồng bộ	Sở Y tế	Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Dân tộc và Tôn giáo; BHXH tỉnh; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan	Kỳ họp thứ 3 HĐND tỉnh năm 2026

STT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm/Kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các chính sách dân số	Các đợt kiểm tra, giám sát; khó khăn, vướng mắc được hướng dẫn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Sở Y tế	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; UBND cấp xã	Thường xuyên
6	Theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện	Báo cáo định kỳ, đột xuất; số liệu được tổng hợp, thống nhất, chính xác	Sở Y tế	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; UBND cấp xã	Định kỳ hằng năm và khi có yêu cầu
7	Sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện	Báo cáo sơ kết, tổng kết; đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách, giải pháp	Sở Y tế	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị; UBND cấp xã	Theo yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Địa chỉ: Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La. Trụ sở
HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam và một số Sở,
ban, ngành tỉnh Sơn La, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La.;

Điện thoại: 0212.3751.595;

Email: congbao@sonla.gov.vn;